

**Phụ lục I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG<sup>1</sup> TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM, LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TỈNH CAO BẰNG**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

Ký bởi:  
  
 Nông Quốc Hùng

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức/mức độ thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>I</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (04 TTHC)</b>							
<b>a</b>	<b>Lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (03 TTHC)</b>							
1	1.014022	Thả động vật nuôi sinh sản tại cơ sở nuôi, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học về môi trường tự nhiên	Mười sáu (16) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích; <i>dịch vụ công trực tuyến toàn trình</i>	Không thu phí	- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 146/2025/QH15; - Điều 11 Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Mức độ thực hiện thủ tục hành chính (một phần sang toàn trình)
2	1.014833	Cấp lại Giấy phép tiếp cận nguồn gen	Ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia; <i>dịch vụ công trực tuyến toàn trình</i>	Không thu phí	Luật số 146/2025/QH15; Điều 24 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ	Mức độ thực hiện thủ tục hành chính (một phần sang toàn trình)
3	1.014630	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Hai mươi bảy (27) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia; <i>dịch vụ công trực tuyến toàn trình</i>	Không thu phí	- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 146/2025/QH15; - Điều 21 Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Mức độ thực hiện thủ tục hành chính (một phần sang toàn trình)

<sup>1</sup> Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức/mức độ thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>b Lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm (01 TTHC)</b>								
1	1.000058	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	Mười năm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính; dịch vụ công trực tuyến một phần	Không thu phí	Điều 75 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; <i>Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</i>	Bổ sung căn cứ pháp lý
<b>II THU TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (01 TTHC)</b>								
<b>a Lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm (01 TTHC)</b>								
1	1.012531	Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	<i>Mười ba (13) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia; dịch vụ công trực tuyến một phần	Không	Điều 15 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP; Điều 43 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung) Điều 15 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP)	Sửa đổi thời hạn giải quyết (từ 12 ngày làm việc thành 13 ngày làm việc)

- Tổng số danh mục TTHC công bố sửa đổi bổ sung: **05 TTHC**
- + Cấp tỉnh: **04 TTHC**
- + Cấp xã: **01 TTHC**
- TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính **05 TTHC**
- Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần **02 TTHC**
- Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình **03 TTHC**